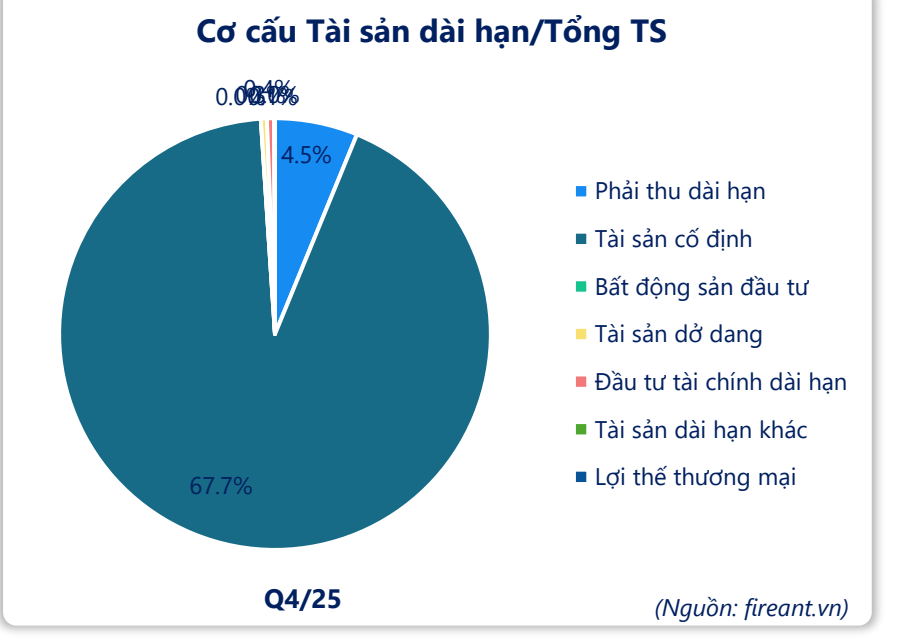
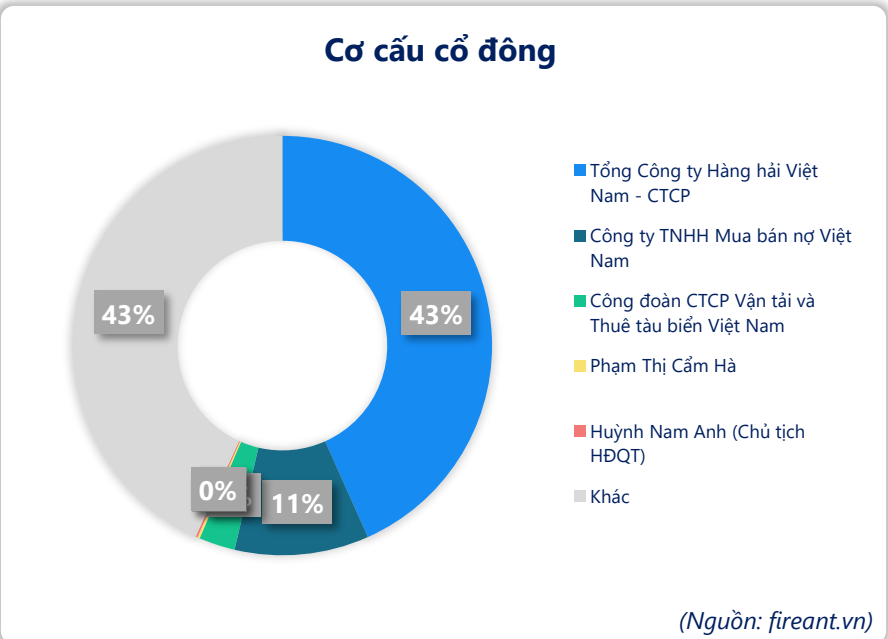
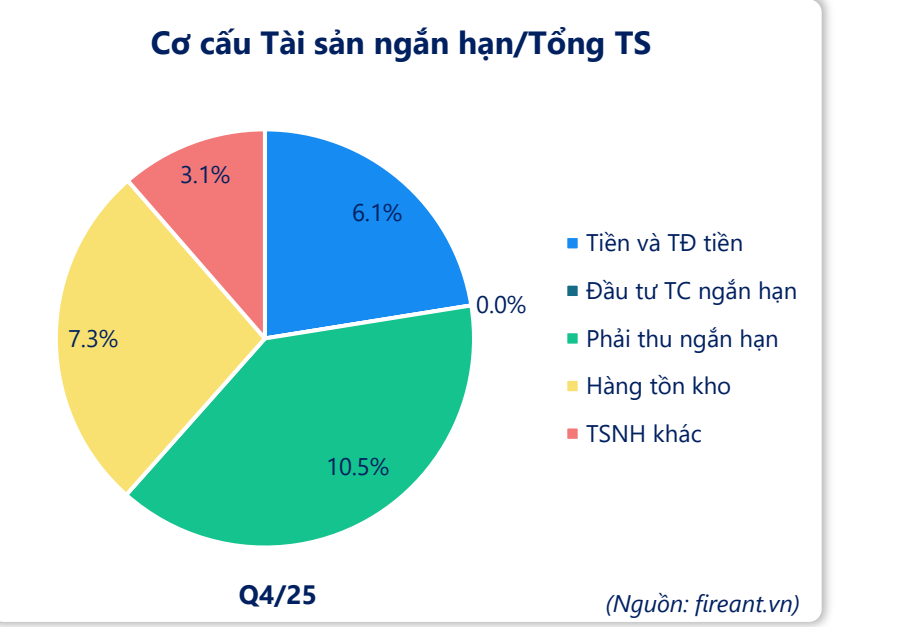
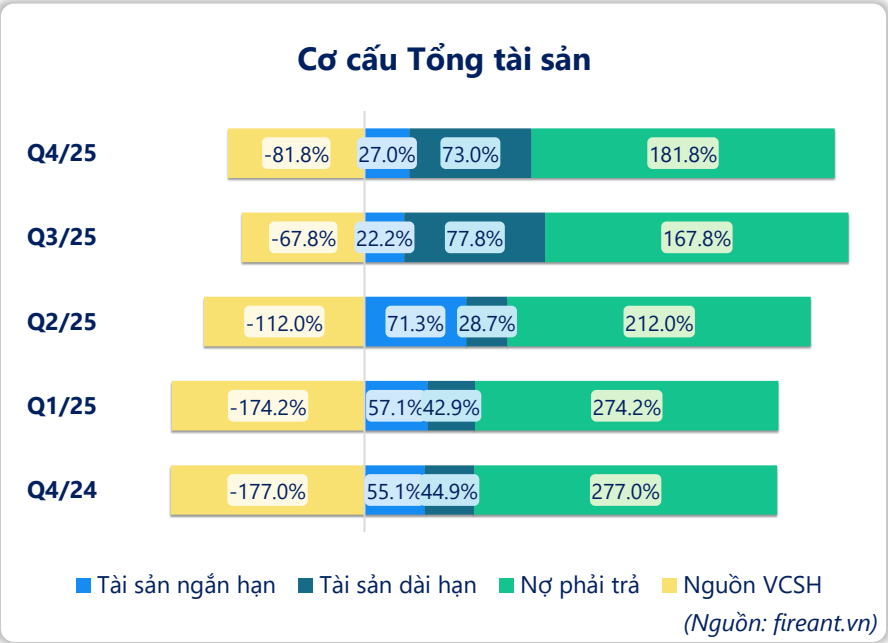
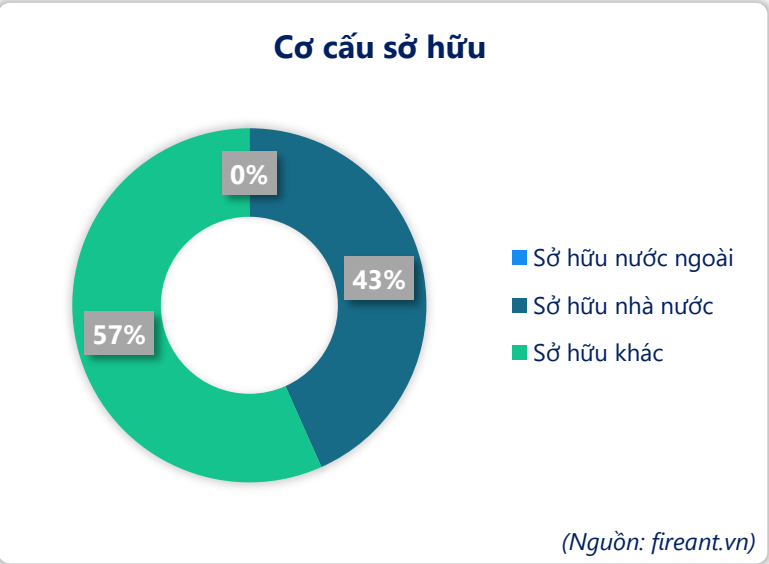
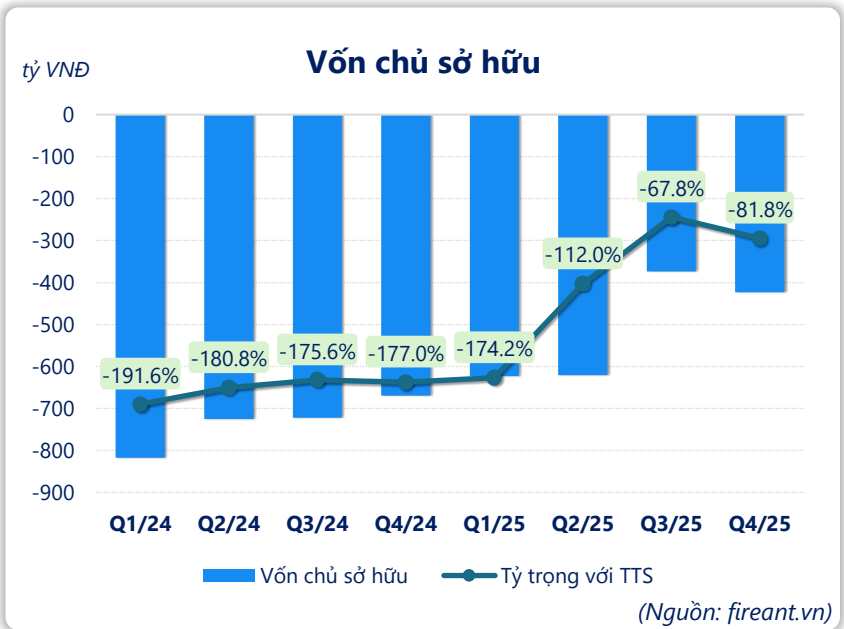
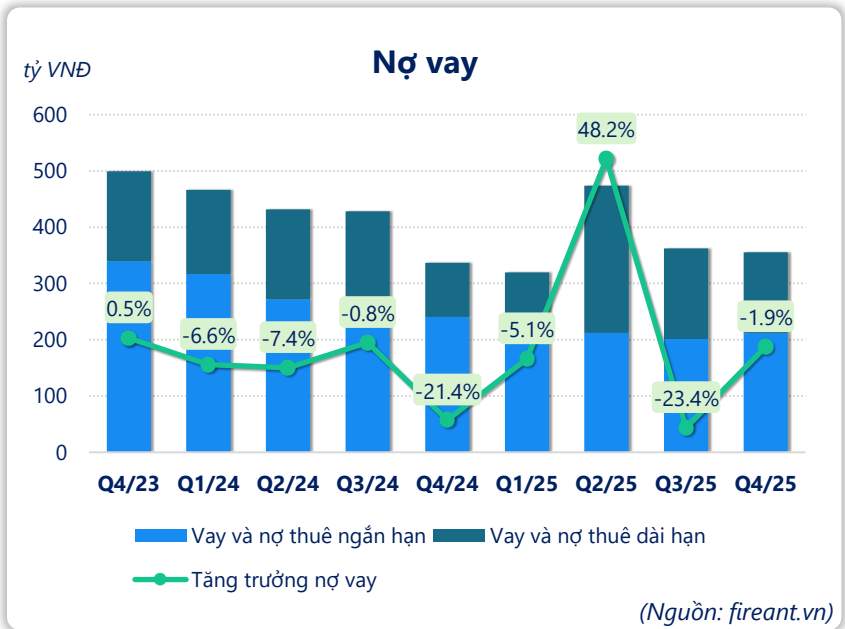
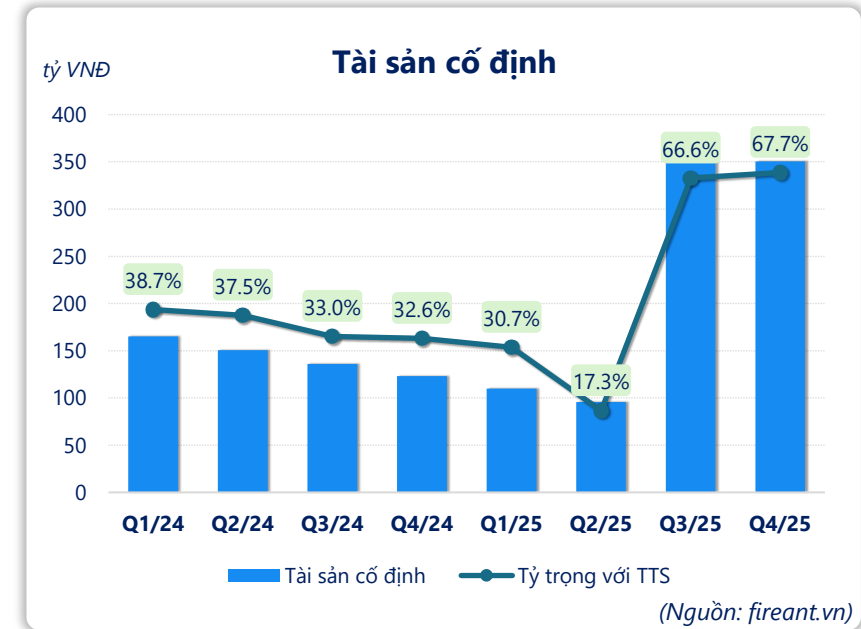
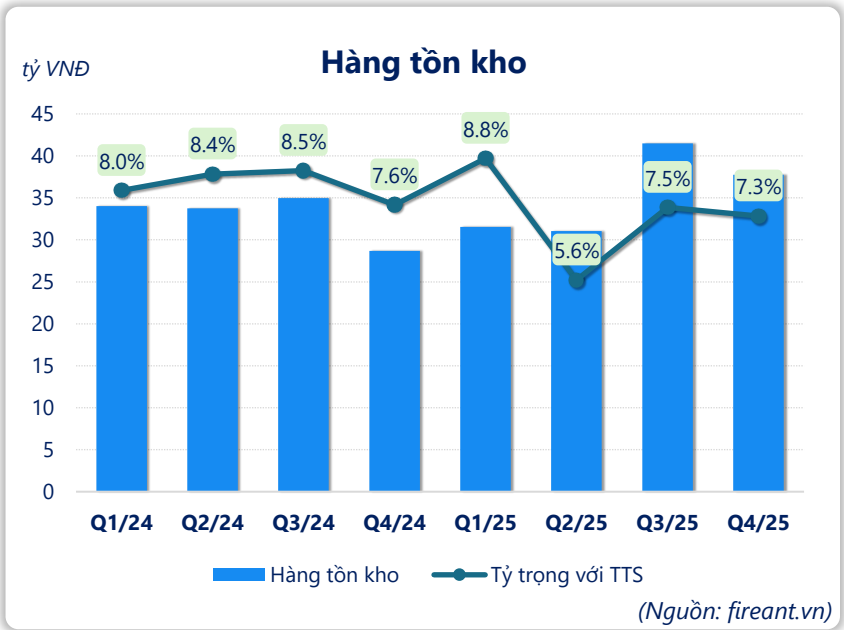
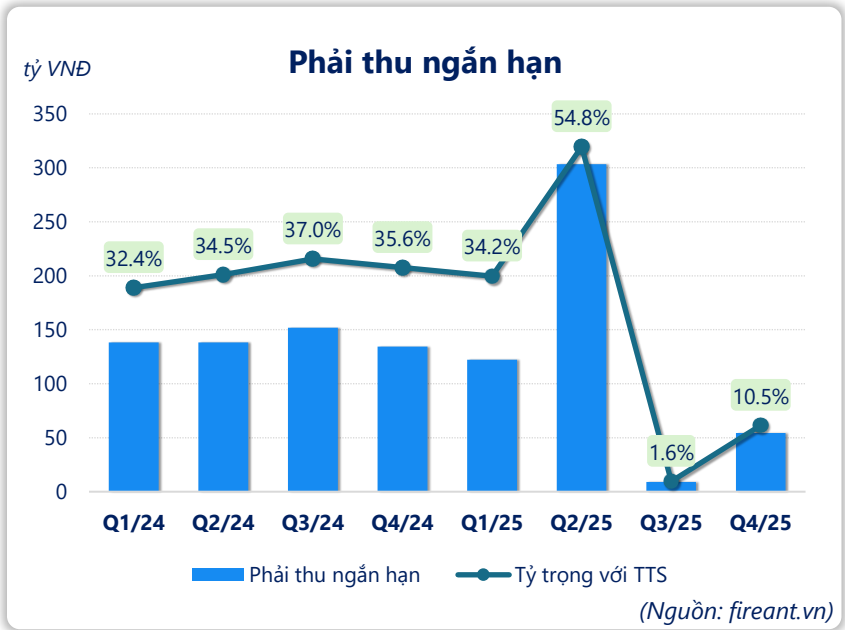
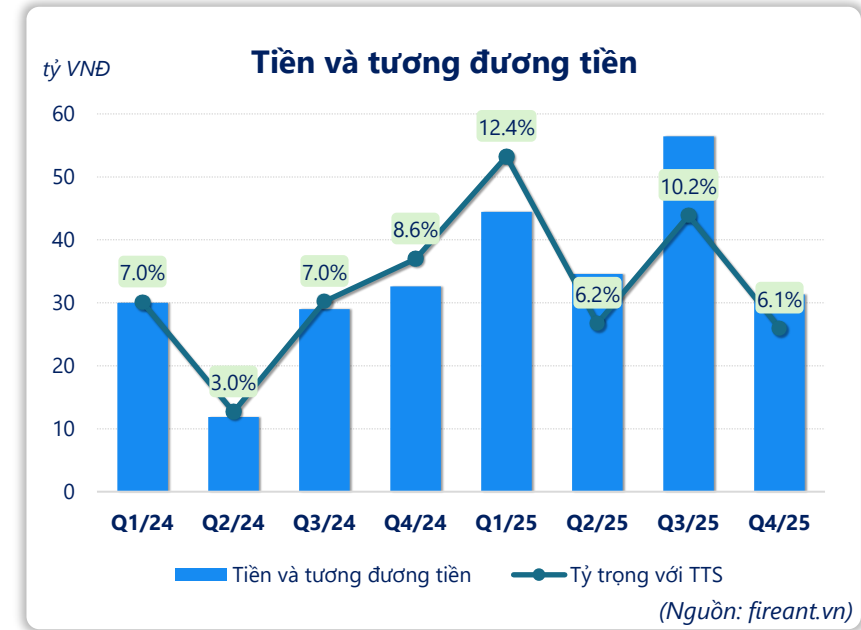
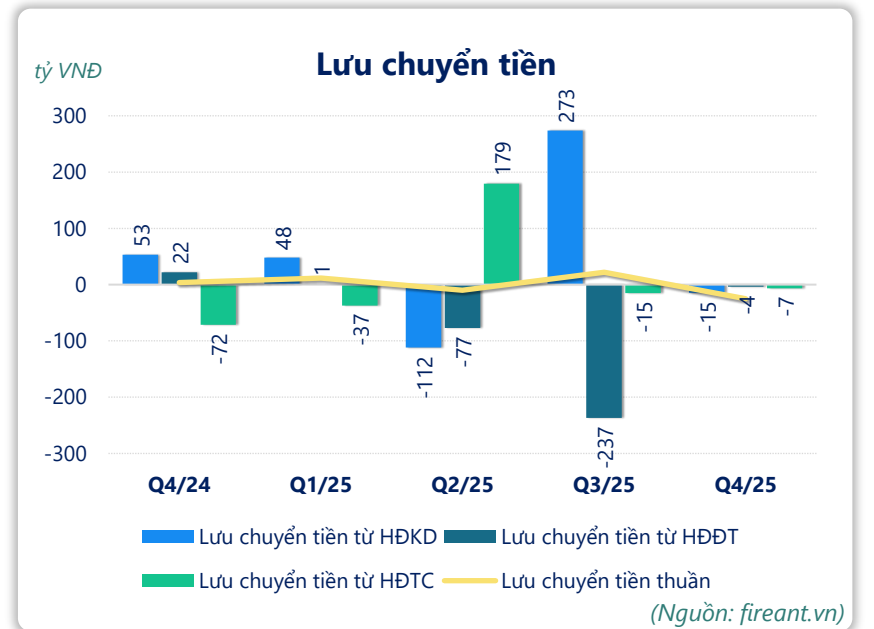
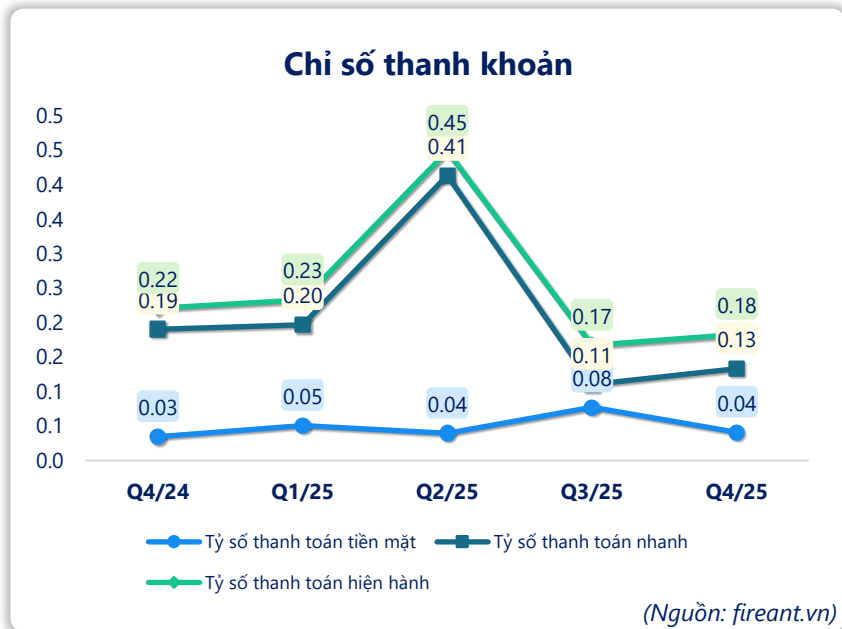
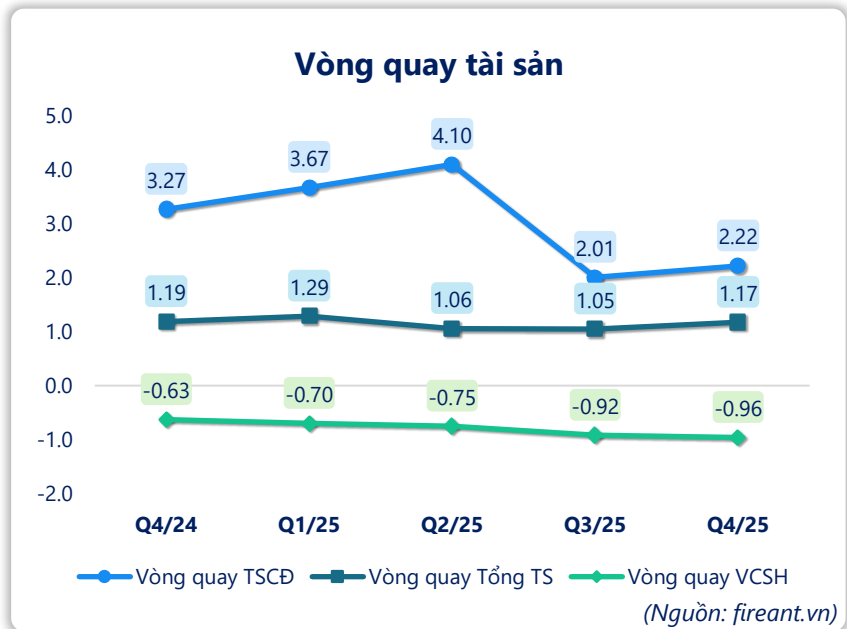
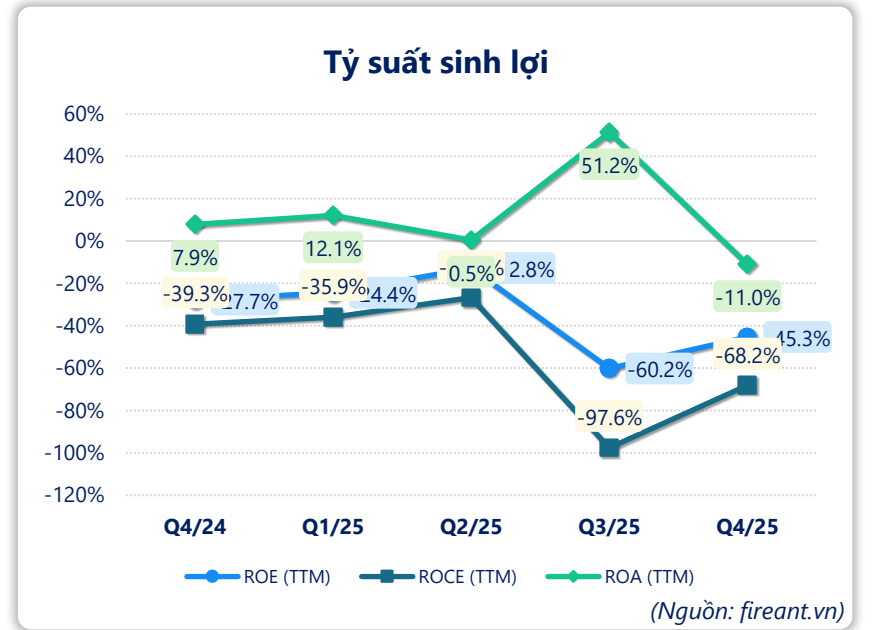
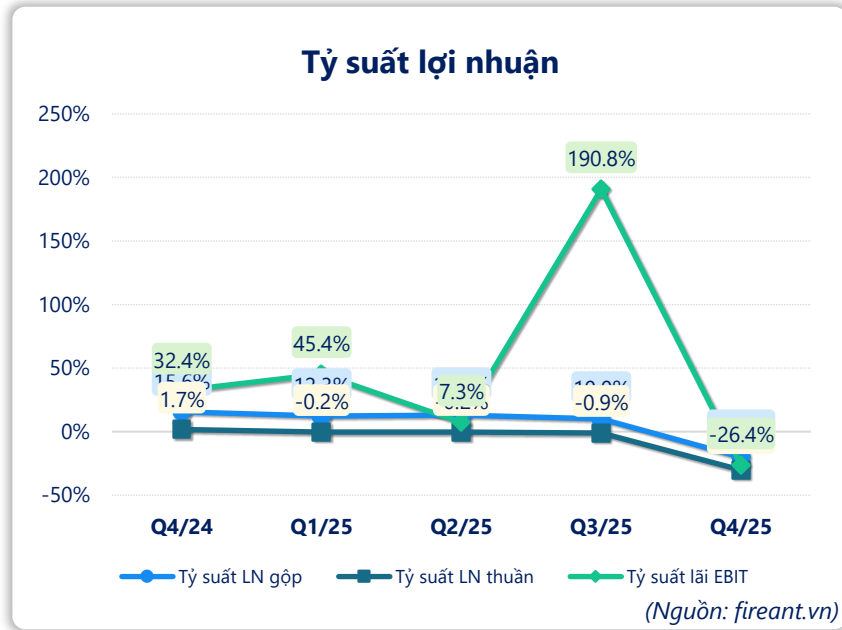
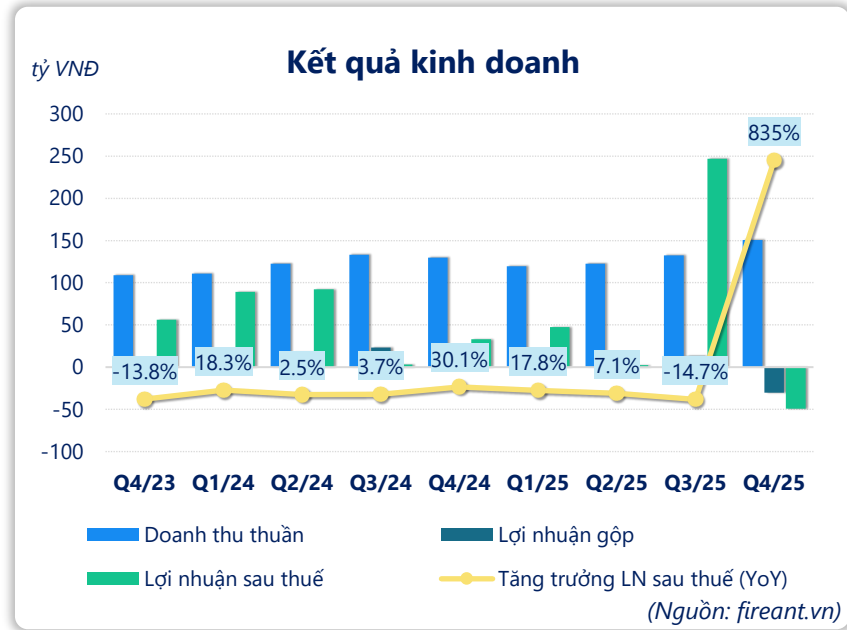


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		3,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		4,100
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		2,800
SL cổ phiếu LH		68,999,337
KLGD BQ 20 phiên (CP)		6,925
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		207
P/E		0.8
EPS		3,585

	YTD	1T	3T	6T
VST	7.1%	-3.2%	-11.8%	-14.3%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	517	378	36.9%
Tài sản ngắn hạn	139	208	-33.0%
Tiền và tương đương tiền	31.4	32.6	-3.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	54.5	135	-59.5%
Hàng tồn kho	37.8	28.7	31.6%
Tài sản ngắn hạn khác	15.9	12.4	28.2%
Tài sản dài hạn	378	170	123%
Phải thu dài hạn	23.4	23.3	0.6%
Tài sản cố định	350	123	185%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1.69	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	2.00	2.00	0.0%
Tài sản dài hạn khác	0.26	21.3	-98.8%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	941	1,047	-10.2%
Nợ ngắn hạn	763	943	-19.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	211	241	-12.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	18.3	16.9	8.5%
Nợ dài hạn	178	104	70.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	144	96.0	50.2%
Nguồn vốn chủ sở hữu	-423	-669	36.8%
Vốn chủ sở hữu	-423	-669	36.8%
Vốn điều lệ	690	690	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	130	120	123	133	151
Giá vốn hàng bán	110	105	107	119	181
Lợi nhuận gộp	20.3	14.7	15.9	13.3	-30.2
Doanh thu HĐTC	3.26	2.15	1.40	0.99	2.02
Chi phí TC	9.22	6.45	6.28	5.59	3.67
Chi phí lãi vay	8.18	6.00	5.75	5.42	2.76
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	1.48	1.17	1.32	1.52	2.35
Chi phí QLDN	10.6	9.55	9.88	8.38	11.2
LN thuần từ HĐKD	2.27	-0.28	-0.22	-1.24	-45.4
Lợi nhuận khác	31.6	48.6	3.42	249	2.88
LN trước thuế	33.9	48.3	3.20	247	-42.6
Lợi nhuận sau thuế	33.2	47.5	2.45	247	-49.3
LNST của CĐ cty mẹ	33.2	47.5	2.45	247	-49.3

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	53.2	48.2	-112	273	-14.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	22.0	0.74	-77.2	-237	-3.67
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-71.6	-37.1	179	-14.9	-6.81
Tiền đầu kỳ	29.0	32.6	44.4	34.6	56.4
Lưu chuyển tiền thuần	3.46	11.8	-9.91	22.0	-25.1
Ảnh hưởng tỷ giá	0.13	0.03	0.07	-0.10	-0.02
Tiền cuối kỳ	32.6	44.4	34.6	56.4	31.4

(Nguồn: fireant.vn)